

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **85/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 29- 8-2023

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đặng Minh Lý
2. Ông Thượng Văn Kình

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lưu Kim Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà:** Bà Lưu Kim Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 321/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 321/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1981; địa chỉ: hẻm A1 đường A2, phường A3, thành phố A4, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hữu K, sinh năm 1968; địa chỉ: hẻm A1 đường A2, phường A3, thành phố A4, tỉnh Bình Dương.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L trình bày:** Bà L và ông K là vợ chồng, tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Quảng Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi vào năm 2006. Sau khi kết hôn, lúc đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây nhận thấy phát sinh nhiều mâu thuẫn, rạn nứt vợ chồng đã không thể hàn gắn, trong cuộc sống giữa vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, không thể sống chung được. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn

vợ chồng không thể hàn gắn, hôn nhân không thể kéo dài. Vì vậy, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông K.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ L xin ly hôn với ông Nguyễn Hữu K.

- Về con chung: Quá trình chung sống bà L và ông K có 03 con chung là cháu Nguyễn K Như Y, sinh ngày 01/01/2007, cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 15/04/2009, cháu Nguyễn Hữu Khôi Ng, sinh ngày 08/7/2016. Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị Mỹ L yêu cầu được nuôi dưỡng và chăm sóc 03 con là cháu Nguyễn K Như Y, sinh ngày 01/01/2007, cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 15/04/2009, cháu Nguyễn Hữu Khôi Ng, sinh ngày 08/7/2016.

- Về cấp dưỡng: Không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con

- Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn ông Nguyễn Hữu K trình bày:** Ông K thống nhất với bà L thời gian đăng ký kết hôn. Về hôn nhân ông không đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Mỹ L, ông muốn hàn gắn cho con có cha có mẹ.

- Về con chung: Quá trình chung sống bà L và ông K có 03 con chung là cháu Nguyễn K Như Y, sinh ngày 01/01/2007, cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 15/04/2009, cháu Nguyễn Hữu Khôi Ng, sinh ngày 08/7/2016. Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị Mỹ L yêu cầu được nuôi dưỡng và chăm sóc 03 con là cháu Nguyễn K Như Y, sinh ngày 01/01/2007, cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 15/04/2009, cháu Nguyễn Hữu Khôi Ng, sinh ngày 08/7/2016, ông không có ý kiến.

- Về cấp dưỡng: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến trước phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Về phân thủ tục Kiểm sát viên không có kiến nghị khắc phục gì thêm.

Về việc giải quyết vụ án: Đối với yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Bà L và ông K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Quảng Phú, thành phố Quảng

Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Nay bà L có đơn xin ly hôn với ông K và có tranh chấp nuôi con. Như vậy, quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Các vấn đề có tranh chấp: Bà L và ông K là vợ chồng, sống chung có đăng ký kết hôn 40, quyển số 01 tại UBND Ủy ban nhân dân phường Quảng Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà L cho rằng sau khi kết hôn, ông K có nhiều quan điểm, hai bên thường xuyên cãi vã từ đó dẫn đến sự mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, bà không còn tình cảm với ông K nữa. Xét thấy: Quan hệ hôn nhân tồn tại bền vững dựa trên tình cảm của vợ chồng, sống có trách nhiệm, thương yêu, chăm sóc, quan tâm lẫn nhau. Vợ chồng bà L và ông K vì không còn tình cảm với nhau nên không ai quan tâm đến ai, bà L hiện không ở chung với ông K nên chứng tỏ tình trạng hôn nhân của bà L, ông K không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L về việc ly hôn với ông K.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống bà L và ông K có 03 con chung là cháu Nguyễn K Như Y, sinh ngày 01/01/2007, cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 15/04/2009, cháu Nguyễn Hữu Khôi Ng, sinh ngày 08/7/2016. Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị Mỹ L yêu cầu được nuôi dưỡng và chăm sóc 03 con là cháu Nguyễn K Như Y, sinh ngày 01/01/2007, cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 15/04/2009, cháu Nguyễn Hữu Khôi Ng, sinh ngày 08/7/2016, 02 cháu Y và H có nguyện vọng ở với mẹ là bà L, bà L cung cấp bản lương chứng minh nguồn thu nhập có đủ điều kiện để nuôi 03 con. Do đó, Hội đồng xét xử giao 03 chung cho bà L trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung, về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ phân tích trên, xét lời đề nghị của nguyên đơn, đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Tòa chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Mỹ L phải nộp theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa

Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" đối với bị đơn ông Nguyễn Hữu K.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ L được ly hôn với ông Nguyễn Hữu K.

Về con chung: Quá trình chung sống bà L và ông K có 03 con chung là cháu Nguyễn K Như Y, sinh ngày 01/01/2007, cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 15/04/2009, cháu Nguyễn Hữu Khôi Ng, sinh ngày 08/7/2016, sau khi ly hôn 03 cháu sẽ do bà L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Về tài sản chung, về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình: Bà Nguyễn Thị Mỹ L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tạm ứng trước đây theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/000393 ngày 18/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc nhận được bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND phường Quảng Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hồng Thắm**



